Thiết kế xử lý

Thiết kế xử lý - đăng ký / đăng nhập

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $ho  - $ten  - $email  - $diachi  - $gioitinh  - $sodienthoai  - $tendangnhap  - $mk\_dk  - $matkhau  - $query  - $\_SESSION[“tendangnhap”]  - $\_SESSION[“matkhau”] | - Họ  - Tên  - Email  - Địa chỉ  - Giới tính  - Số điện thoại  - Tên đăng nhập  - Mật khẩu đăng ký  - Mật khẩu  - Dùng để lưu các câu truy vấn đến csdl  - Lưu tên đăng nhập vào $\_SESSION[“tendangnhap”]  - Lưu mật khẩu vào $\_SESSION[“matkhau”] |
| 2 | boolean | $result  - $\_SESSION[“admin”]  - $\_SESSION[“nhanvien”]  - $\_SESSION[“banhang”] | - Dùng để lưu kết quả khi thêm, xóa, sửa đến csdl  - Gắn cờ cho 2 session  ( vd: nếu tài khoản thuộc phân quyền admin thì $\_SESSION[“admin”] = true và ngược lại )  - Gắn cờ cho session[“admin”]  ( vd: nếu tài khoản thuộc phân quyền admin thì $\_SESSION[“nhanvien”] = true và ngược lại )  - Gắn cờ cho session[“banhang”]  ( vd: $SESSION[“nhanvien”] = true thì $\_SESSION[“banhang”] = true và ngược lại ) |
| 3 | int | - $\_SESSION[“thoigian\_bd”] | - dùng để làm giới hạn thời gian session (  cụ thể: $\_SESSION[“thoigian\_bd”] = time() ) |
| 4 | Mảng đối tượng | $result | - Dùng để lưu kết quả khi duyệt dữ liệu từ csdl vào mảng result |

=> khi khách hàng nhấn submit các thông tin sẽ post lên server để xử lý

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | dangky\_model() | $ho,  $ten,  $email,  $diachi, $gioitinh, $sodienthoai, $tendang, $mk\_dk, $matkhau | void | Không | Phương thức trong lớp dangnhap\_dangky dùng để insert dữ liệu vào csdl |
| 2 | dangnhap\_model() | $tendangnhap,  $matkhau | void | Không | Phương thức trong lớp dangnhap\_dangky dùng để kiểm tra dữ liệu khách nhập vào có khớp với dữ liệu trong csdl hay không |
| 3 | suataikhoan() | $idUser,  $ho,  $ten,  $email,  $diachi,  $gioitinh,  $sodienthoai,  $tendangnhap | void | Không | Phương thức trong lớp dangnhap\_dangky dùng để sửa tên tài khoản trong csdl |
| 4 | suamk() | $idUser,  $matkhau\_moi | void | Không | Phương thức trong lớp dangnhap\_dangky dùng để sửa mật khẩu trong csdl |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | dangky() | Không | void | Không | - Thông tin tài khoản đăng ký của khách hàng sẽ được post đến phương thức này.  - Dùng để gọi đến dangky\_model và getView sau khi đăng ký |
| 2 | dangnhap() | Không | void | Không | - Thông tin tài khoản đăng nhập của khách hàng sẽ được post đến phương thức này.  - Dùng để gọi đến dangnhap\_model và getView sau khi đăng nhập |
| 3 | dangxuat() | Không | void | Không | - unset Session và getView thông báo sau khi đăng xuất |
| 4 | suamatkhau() | Không | void | Không | - Thông tin mật khẩu mới của khách hàng sẽ được post đến phương thức này.  - Dùng để gọi đến model suamk và getView sau khi sửa |
| 5 | suataikhoan() | Không | void | Không | - Thông tin tài khoản của khách hàng sẽ được post đến phương thức này.  - Dùng để gọi đến model suataikhoan và getView sau khi sửa |

Thiết kế xử lý - hiển thị thông tin cửa hàng và sản phẩm

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl |
| 2 | Mảng đối tượng | - $data\_banner  - $data\_loaisanpham  - $data\_sanphamtrangchu  - $data\_layout  - $data | - Mảng chuỗi dùng để gọi ở view để hiển thị banner  - Mảng chuỗi dùng để gọi ở view để hiển thị các loại sản phẩm  - Mảng chuỗi dùng để gọi ở view để hiển thị sản phẩm ở trang chủ  - Mảng chuỗi dùng để gọi ở view để hiển thị các layout  - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | banner() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp home dùng để duyệt banner từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | loaisanpham() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp home dùng để duyệt loại sản phẩm từ csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | sanpham\_cuahang() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp cuahang dùng để duyệt loại sản phẩm từ csdl và lưu vào biến $data  (duyệt năng cao, có màu sắc và size). |
| 4 | sanpham\_trangchu() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp home dùng để duyệt sản phẩm từ csdl và lưu vào biến $data |
| 5 | layout() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp home dùng để duyệt layout từ csdl và lưu vào biến $data |
| 6 | timkiem\_sp() | $timkiem\_sp | mảng đổi tượng | Không | - Phương thức trong lớp cuahang dùng để duyệt sản phẩm từ csdl.  - $timkiem\_sp là tham số truyền, là là tên của sản phẩm cần tìm.  - Kết quả tìm kiếm được lưu vào biến $data |
| 7 | details\_hang() | $id | mảng đối tượng | Không | - Phương thức trong lớp mathang.  - Dùng để duyệt sản phẩm theo id ($id) và lưu vào $data. |
| 8 | layten\_loaisanpham() | $id | mảng đối tượng | Không | - Phương thức trong lớp mathang.  - Dùng để duyệt loại sản phẩm theo id ($id) và lưu vào $data. |
| 9 | getcolor() | $id | mảng đối tượng | Không | - Phương thức trong lớp mathang.  - Dùng để duyệt màu theo mã màu ($id) và lưu vào $data. |
| 10 | getsize() | $id | mảng đối tượng | Không | - Phương thức trong lớp mathang.  - Dùng để duyệt size theo mã size ($id) và lưu vào $data. |
| 11 | sanpham\_cuahangtheoid() | $idLoaisp | mảng đối tượng | Không | - Phương thức trong lớp mathang.  - Dùng để duyệt sản phẩm theo mã loại ($id) và lưu vào $data. |
| 12 | sanphamlienquan() | $idLoaisp | mảng đối tượng | Không | - Phương thức trong lớp mathang.  - Dùng để duyệt sản phẩm theo mã loại ($id) có phân trang (4sp / 1 trang)và lưu vào $data . |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list() | Không | void | Không | - Phương thức của lớp showhome.  - Dùng để gọi các model (banner, loaisanpham, sanpham\_trangchu, banner) và nhúng giao diện vào. |
| 2 | list() | Không | void | Không | - Phương thức của lớp showcuahang.  - Dùng để gọi các model (banner, loaisanpham, sanpham\_trangchu, banner, timkiem\_sp) và nhúng giao diện vào. |

Thiết kế xử lý - Mua hàng (giỏ hàng, thanh toán)

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query  - $tendangnhap  - $donGia  - $\_SESSION[“tendangnhap”] | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl  - Lưu tên tài khoản của khách  - đơn giá của hóa đơn  - tên tài khoản khách hàng  - |
| 2 | int | - $id  - $count  - $idUser | - Lưu id của sản phẩm  - Số lượng sản phẩm mà khách chọn  - Dùng để lưu thông tin id của tài khoản |
| 3 | Mảng đối tượng | - $data  - $\_SESSION[“sanpham”]  - $data\_user  - $data\_loaisanpham  - $data\_sanpham | - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl  - sản phẩm được lưu vào giỏ hàng session giỏ hàng  - Thông tin khách hàng lưu dưới dạng mảng đối tượng  - Thông tin loại sản phẩm lưu dưới dạng mảng đối tượng  - Thông tin sản phẩm lưu dưới dạng mảng đối tượng |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | loaisp() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp giohang dùng để duyệt loaisp từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | chitiet\_sp() | $id | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp giohang dùng để duyệt sản phẩm từ csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | chitiet\_donhang() | $tendangnhap | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp thanhtoan dùng để duyệt thông tin tài khoản (có thông tin khách hàng) từ csdl và lưu vào biến $data. |
| 4 | chitiet\_sanpham() | $donGia | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **thanhtoan** dùng để duyệt sản phẩm dựa vào đơn giá từ csdl và lưu vào biến $data |
| 5 | gui\_donhang\_choadmin() | $idUser,  $idSP,  $tongtien,  $soluongmua,  $ngaymua | void | Không | Phương thức trong lớp **hoanthanhdonhang** dùng để thêm hóa đơn vào csdl |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list\_giohang() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện cùng với giỏ hàng đã lưu vào session từ trước |
| 2 | add\_giohang() | Không | void | Không | - Dùng để gọi lưu sản phẩm vào $\_SESSION[“giohang”] |
| 3 | list() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện giỏ hàng |

Thiết kế xử lý - Quản lý tài khoản (admin)

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query  - $timkiem  - $ho,  - $ten,  - $email,  - $diachi,  - $gioitinh,  - $sodienthoai,  - $tendang,  - $mk\_dk,  - $matkhau | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl  - Dữ liệu tìm kiếm sau khi được post lên sẽ lưu ở biến này  - Thông tin tài khoản sau khi được post lên server để cập nhật sẽ được lưu vào các biến này |
| 2 | int | - $idUser | - Lưu id của của tài khoản |
| 3 | Mảng đối tượng | - $data | - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | all() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **nguoidung** dùng để duyệt danh sách tài khoản từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | timkiem() | $timkiem | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **nguoidung** dùng để duyệt tài khoản từ kết quả tìm kiếm ở csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | find() | $id | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **nguoidung** dùng để tìm thông tin tài khoản với id là $id từ csdl và lưu vào biến $data. |
| 4 | update() | - $ho,  - $ten,  - $email,  - $diachi,  - $gioitinh,  - $sodienthoai,  - $tendang,  - $mk\_dk,  - $matkhau | void | Không | Phương thức trong lớp **nguoidung** dùng sửa thông tin tài khoản |
| 5 | insert() | - $ho,  - $ten,  - $email,  - $diachi,  - $gioitinh,  - $sodienthoai,  - $tendang,  - $mk\_dk,  - $matkhau | void | Không | Phương thức trong lớp **nguoidung** dùng thêm thông tin tài khoản |
| 7 | delete() | $id | void | Không | Phương thức trong lớp **nguoidung** dùng xóa thông tin tài khoản theo $id |
| 8 | phanquyen() | Không | void | Không | Phương thức trong lớp **nguoidung** dùng sửa phân quyền tài khoản theo $id |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện cùng với tất cả tài khoản trong csdl |
| 2 | details() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model hiển thị chi tiết thông tin của 1 tài khoản và nhúng giao diện |
| 3 | update() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model sửa thông tin tài khoản thông qua id được post lên |
| 4 | them() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model thêm tài khoản vào csdl |
| 5 | xoanguoidung() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model xóa tài khoản khỏi csdl |
| 6 | phanquyen() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model sửa phân quyền tài khoản |

Thiết kế xử lý - Quản lý loại giày (admin)

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query  - $timkiem  - $tenLSP,  - $hinhanh | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl  - Dữ liệu tìm kiếm sau khi được post lên sẽ lưu ở biến này  - Thông tin loại giày sau khi được post lên server để cập nhật sẽ được lưu vào các biến này |
| 2 | int | - $idLoaiSP | - Lưu id của của loại sp |
| 3 | Mảng đối tượng | - $data | - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | all() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **loaisanpham** dùng để duyệt danh sách loại giày từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | timkiem\_lsp() | $timkiem\_lsp | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **loaisanpham** dùng để duyệt loại giày từ kết quả tìm kiếm ở csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | find() | $idLoaiSP | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **loaisanpham** dùng để tìm thông tin loại giày với id là $id từ csdl và lưu vào biến $data. |
| 4 | update() | $idLoaiSP, $tenLSP, $hinhanh | void | Không | Phương thức trong lớp **loaisanpham** dùng sửa thông tin loại giày |
| 5 | insert() | $tenLSP, $hinhanh | void | Không | Phương thức trong lớp **loaisanpham** dùng thêm thông tin loại giày |
| 7 | delete() | $id | void | Không | Phương thức trong lớp **loaisanpham** dùng xóa thông tin loại giày theo $id |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện cùng với tất cả loài giày trong csdl |
| 2 | details() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model hiển thị chi tiết thông tin của 1 loài giày và nhúng giao diện |
| 3 | update() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model sửa thông tin loại giày thông qua id được post lên |
| 4 | them() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model thêm loài giày vào csdl |
| 5 | xoanguoidung() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model xóa loại giày khỏi csdl |

Thiết kế xử lý - Quản lý sản phẩm giày (admin)

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query  - $timkiem\_sp  - $batdau  - $gioihan  - $idcolor  - $idsize  - $tenSP  - $Dongia  - $anh1  - $anh2  - $anh3  - $ngaynhap  - $mota | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl  - Dữ liệu tìm kiếm sau khi được post lên sẽ lưu ở biến này  - 2 biến lần lượt giá trị dùng để phân trang khi tìm kiếm  - Thông tin sản phẩm giày sau khi được post lên server để cập nhật sẽ được lưu vào các biến này |
| 2 | int | - $id  - $idKM  - $idLoaiSP  - $soluong  - $soluong\_them | - Lưu id của của sản phẩm giày  - Lưu id của của khuyến mãi  - Lưu id của của loại giày  - Lưu số lượng giày  - Số lượng thêm |
| 3 | Mảng đối tượng | - $data | - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | all() | $batdau,  $gioihan | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **sanpham** dùng để duyệt danh sách sản phẩm giày từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | timkiem\_sp() | $timkiem\_sp,  $batdau,  $gioihan, | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **sanpham** dùng để duyệt sản phẩm giày từ kết quả tìm kiếm ở csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | find() | $idSP | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **sanpham** dùng để tìm thông tin sản phẩm giày với id là $id từ csdl và lưu vào biến $data. |
| 4 | update() | $idSP,  $idKM, $idLoaiSP, $idcolor, $idsize, $tenSP, $Dongia, $anh1,  $anh2,  $anh3, $ngaynhap, $mota, $soluong | void | Không | Phương thức trong lớp **sanpham** dùng sửa thông tin sản phâm giày |
| 5 | insert() | $idSP,  $idKM, $idLoaiSP, $idcolor, $idsize, $tenSP, $Dongia, $anh1,  $anh2,  $anh3, $ngaynhap, $mota, $soluong | void | Không | Phương thức trong lớp **sanpham** dùng thêm thông tin sản phẩm giày |
| 7 | insert\_trung() | $id,  $soluong\_them | void | Không | Phương thức trong lớp **sanpham** dùng thêm số lượng sản phẩm giày theo $id |
| 8 | delete() | $id | void | Không | Phương thức trong lớp **sanpham** dùng xóa sản phẩm giày theo $id |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện cùng với tất cả sản phẩm giày trong csdl |
| 2 | details() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model hiển thị chi tiết thông tin của 1 sản phẩm giày và nhúng giao diện |
| 3 | update() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model sửa thông sản phẩm giày thông qua id được post lên |
| 4 | them() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model thêm sả phẩm giày vào csdl |
| 5 | xoa\_san\_pham() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model xóa sản phẩm giày khỏi csdl |

Thiết kế xử lý - Quản lý khuyến mãi (admin)

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query  - $timkiem\_km  $loaiKM  - $giatriKM | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl  - Dữ liệu tìm kiếm sau khi được post lên sẽ lưu ở biến này  - Thông tin khuyến mãi sau khi được post lên server để cập nhật sẽ được lưu vào các biến này |
| 2 | int | - $idKM | - Lưu id của của khuyến mãi |
| 3 | Mảng đối tượng | - $data | - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl |
| 4 | date | - $ngaybatdau  - $ngayketthuc | - Thông tin khuyến mãi sau khi được post lên server để cập nhật sẽ được lưu vào các biến này |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | all() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng để duyệt danh sách khuyến mãi từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | timkiem\_km() | $timkiem\_km | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng để duyệt khuyến mãi từ kết quả tìm kiếm ở csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | find() | $idKM | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng để tìm thông tin khuyến mãi với id là $id từ csdl và lưu vào biến $data. |
| 4 | update() | $idKM, $loaiKM, $giatriKM, $ngaybatdau, $ngayketthuc | void | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng sửa thông tin khuyến mãi |
| 5 | insert() | $loaiKM, $giatriKM, $ngaybatdau, $ngayketthuc | void | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng thêm thông tin khuyến mãi |
| 6 | delete() | $id | void | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng xóa khuyến mãi theo $id |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện cùng với tất cả khuyến mãi giày trong csdl |
| 2 | details() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model hiển thị chi tiết thông tin của khuyến mãi và nhúng giao diện |
| 3 | update() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model sửa thông tin khuyến mãi thông qua id được post lên |
| 4 | them() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model thêm khuyến mãi vào csdl |
| 5 | xoakhuyenmai() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model xóa khuyến mãi khỏi csdl |

Thiết kế xử lý - Quản lý banner(admin)

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query  - $timkiem\_bn  - $anhbanner | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl  - Dữ liệu tìm kiếm sau khi được post lên sẽ lưu ở biến này  - Thông tin khuyến mãi sau khi được post lên server để cập nhật sẽ được lưu vào các biến này |
| 2 | int | - $idbanner | - Lưu id của của banner |
| 3 | Mảng đối tượng | - $data | - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | all() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **banner** dùng để duyệt danh sách banner từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | timkiem\_km() | $timkiem\_km | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **banner** dùng để duyệt danh sách banner từ kết quả tìm kiếm ở csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | find() | $idbanner | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **banner** dùng để tìm thông tin banner với id là $id từ csdl và lưu vào biến $data. |
| 4 | update() | $idbanner, $anhbanner | void | Không | Phương thức trong lớp **banner** dùng sửa thông tin banner |
| 5 | insert() | $idbanner, $anhbanner | void | Không | Phương thức trong lớp **banner** dùng thêm thông tin banner |
| 6 | delete() | $id | void | Không | Phương thức trong lớp **banner** dùng xóa banner theo $id |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện cùng với tất cả banner giày trong csdl |
| 2 | details() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model hiển thị chi tiết thông tin của banner và nhúng giao diện |
| 3 | update() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model sửa thông tin banner thông qua id được post lên |
| 4 | them() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model thêm banner vào csdl |
| 5 | xoabanner() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model xóa banner khỏi csdl |

Thiết kế xử lý - Quản lý khuyến mãi (admin)

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query  - $timkiem\_km  $loaiKM  - $giatriKM | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl  - Dữ liệu tìm kiếm sau khi được post lên sẽ lưu ở biến này  - Thông tin khuyến mãi sau khi được post lên server để cập nhật sẽ được lưu vào các biến này |
| 2 | int | - $idKM | - Lưu id của của khuyến mãi |
| 3 | Mảng đối tượng | - $data | - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl |
| 4 | date | - $ngaybatdau  - $ngayketthuc | - Thông tin khuyến mãi sau khi được post lên server để cập nhật sẽ được lưu vào các biến này |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | all() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng để duyệt danh sách khuyến mãi từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | timkiem\_km() | $timkiem\_km | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng để duyệt khuyến mãi từ kết quả tìm kiếm ở csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | find() | $idKM | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng để tìm thông tin khuyến mãi với id là $id từ csdl và lưu vào biến $data. |
| 4 | update() | $idKM, $loaiKM, $giatriKM, $ngaybatdau, $ngayketthuc | void | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng sửa thông tin khuyến mãi |
| 5 | insert() | $loaiKM, $giatriKM, $ngaybatdau, $ngayketthuc | void | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng thêm thông tin khuyến mãi |
| 6 | delete() | $id | void | Không | Phương thức trong lớp **khuyenmai** dùng xóa khuyến mãi theo $id |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện cùng với tất cả khuyến mãi giày trong csdl |
| 2 | details() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model hiển thị chi tiết thông tin của khuyến mãi và nhúng giao diện |
| 3 | update() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model sửa thông tin khuyến mãi thông qua id được post lên |
| 4 | them() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model thêm khuyến mãi vào csdl |
| 5 | xoakhuyenmai() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model xóa khuyến mãi khỏi csdl |

Thiết kế xử lý - Quản lý hóa đơn(admin)

* Danh sách các biến xử lý

| STT | Kiểu dữ liệu | Tên biến | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | String | - $query  - $timkiem\_hd | - Dùng để lưu câu truy vấn đến csdl  - Dữ liệu tìm kiếm sau khi được post lên sẽ lưu ở biến này |
| 2 | int | - $id | - Lưu id của của hóa đơn |
| 3 | Mảng đối tượng | - $data | - Dùng để lưu các kết quả trả về khi duyệt dữ liệu trong csdl |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package models

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | all() | Không | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **banner** dùng để duyệt danh sách banner từ csdl và lưu vào biến $data |
| 2 | timkiem\_hd() | $timkiem\_hd | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **hoadon** dùng để duyệt danh sách hóa đơn từ kết quả tìm kiếm ở csdl và lưu vào biến $data |
| 3 | find() | $id | mảng đối tượng | Không | Phương thức trong lớp **hoadon** dùng để tìm thông tin hóa đơn với id là $id từ csdl và lưu vào biến $data. |
| 4 | duyet\_hoadon() | $id | void | Không | Phương thức trong lớp **hoadon** dùng sửa trạng thái hóa đơn |
| 5 | delete() | $id | void | Không | Phương thức trong lớp **hoadon** dùng xóa hóa đơn theo $id |

* Danh sách các phương thức xử lý thuộc package controllers

| STT | Phương thức (hàm) | Tham số | Kiểu dữ liệu trả về | Giải thuật | Ý nghĩa |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | list() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model và nhúng giao diện cùng với tất cả hóa đơn trong csdl |
| 2 | details() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model hiển thị chi tiết thông tin của hóa đơn và nhúng giao diện |
| 3 | chitiet\_hoadon() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model duyệt chi tiết hóa đơn và nhúng giao diện |
| 4 | duyet\_hoadon() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model duyệt hóa đơn vào csdl |
| 5 | xoahoadon() | Không | void | Không | - Dùng để gọi model xóa hóa đơn khỏi csdl |